

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Kinh tế**; Chuyên ngành: **Quản trị kinh doanh**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: ĐỖ THỊ BÌNH

2. Ngày tháng năm sinh: 19/07/1980; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Xã Kiến Quốc, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 18 phố Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Số 11 phố Lương Ngọc Quyến, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Điện thoại di động: 0989956957; E-mail: binhdt@tmu.edu.vn.

7. Quá trình công tác

| Thời gian | Công việc, chức vụ, cơ quan |
|-----------------------------|---|
| Từ năm 2004 đến năm 2005 | Giảng viên tập sự, Bộ môn Marketing, Khoa Kinh doanh thương mại, Trường Đại học Thương mại. |
| Từ năm 2005 đến năm 2006 | Giảng viên, Bộ môn Marketing, Khoa Kinh doanh thương mại, Trường Đại học Thương mại. |

| | |
|--------------------------|---|
| Từ năm 2006 đến năm 2010 | Giảng viên, Bộ môn Quản trị chiến lược, Khoa Thương mại điện tử, Trường Đại học Thương mại. |
| Từ năm 2011 đến năm 2016 | Giảng viên, Phó Trưởng Bộ môn Quản trị chiến lược, Khoa Quản trị doanh nghiệp, Trường Đại học Thương mại. |
| Từ năm 2016 đến nay | Giảng viên chính, Trưởng Bộ môn Quản trị chiến lược, Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Thương mại. |

Chức vụ hiện nay: Trưởng Bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Thương mại.

Địa chỉ cơ quan: 79 Hồ Tùng Mậu, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: (024) 37643219

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 25 tháng 07 năm 2003; Số văn bằng: B0520399; Ngành: Quản trị kinh doanh, chuyên ngành: Thương mại quốc tế; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Thương mại, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 07 tháng 07 năm 2010; Số văn bằng: ED00819071; Ngành: Quản trị kinh doanh quốc tế; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Khoa học công nghệ Quốc gia Đệ nhất Cao Hùng, Đài Loan.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 18 tháng 10 năm 2016; Số văn bằng: 005990; Ngành: Kinh tế; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Thương mại, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HDGS cơ sở:

Trường Đại học Thương mại.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS ngành, liên ngành: Kinh tế.

13. Hướng nghiên cứu chủ yếu: *Quản trị & phát triển chiến lược của doanh nghiệp và ngành kinh doanh* (Strategic Management & Development for Firms and Industries).

Hướng nghiên cứu này có thể có nhiều cách tiếp cận: hoặc theo qui trình (gồm các chủ đề: hoạch định, triển khai, đánh giá chiến lược); hoặc theo nội dung (gồm các chủ đề: phân tích nguồn lực – năng lực; tác động của các áp lực thể chế, các bên liên quan, các yếu tố môi trường chiến lược; lợi thế cạnh tranh; định vị chiến lược; nội dung các chiến lược chức năng; các quyết định quản trị cấp cao từ Hội đồng quản trị/ Ban giám đốc...); hoặc theo tiếp cận nguyên nhân – kết quả (gồm các chủ đề: các yếu tố ảnh hưởng, thúc đẩy việc theo đuổi chiến lược; loại hình chiến lược/phản ứng chiến lược lựa chọn; và hiệu quả áp dụng chiến lược đó thể hiện qua lợi thế cạnh tranh và/hoặc hiệu suất chiến lược)... Hướng nghiên cứu về *Quản trị & phát triển chiến lược của doanh nghiệp và ngành kinh doanh* luôn gắn với những biến động, xu hướng mới của bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội, công nghệ như: cách mạng công nghệ 4.0; suy thoái kinh tế; dịch bệnh Covid -19; xu hướng phát triển bền vững trong nền kinh tế tuần hoàn...

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 06 HVCH bảo vệ thành công luận văn và được cấp bằng ThS;
- Đã hoàn thành 03 đề tài NCKH cấp cơ sở (làm chủ nhiệm), 01 đề tài cấp Bộ (làm chủ nhiệm); 01 đề tài cấp Nhà nước (thư ký đề tài nhánh, thành viên tham gia);
- Đã công bố 48 bài báo khoa học, trong đó có 04 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín, thuộc danh mục ISI/Scopus;
- Số lượng sách đã xuất bản: 06;

Trong đó: đồng chủ biên 01 giáo trình, tham gia viết 02 giáo trình, tham gia viết 01 sách chuyên khảo, chủ biên 01 sách tham khảo, tham gia viết 01 sách tham khảo khác. Tất cả đều thuộc nhà xuất bản có uy tín.

15. Khen thưởng:

- Giấy khen của Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội, Đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 5 năm liền (2016-2020)”, Quyết định số 406/QĐ/ĐUK ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Bí thư Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội.
- Chiến sỹ thi đua cấp Bộ năm học 2019-2020, Quyết định số 568/QĐ- BGDĐT, ngày 01/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Bằng Khen Bộ trưởng năm học 2018-2019, Quyết định số 4493/QĐ-BGDĐT, ngày 19/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Bằng khen TW Hội LHPN Việt Nam, Quyết định số 2853/QĐ-ĐCT ngày 01/03/2019 của Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam.

- Bằng khen của Công đoàn giáo dục Việt Nam, Quyết định số 161/QĐ-CDN ngày 19/07/2016 của Ban chấp hành Công đoàn Giáo dục Việt Nam.
- Chiến sĩ thi đua cơ sở trong 5 năm học gần nhất: 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019; 2019-2020; 2020-2021;
- Giấy khen của Hiệu trưởng cho việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong 5 năm học gần nhất: 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019; 2019-2020; 2020-2021;

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SU/PHÓ GIÁO SU

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Theo các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo, tôi tự đánh giá về bản thân như sau:

- Về phẩm chất đạo đức: Là một Đảng viên, tôi luôn không ngừng rèn luyện, giữ vững bản lĩnh và phẩm chất chính trị; có phẩm chất đạo đức tốt; luôn chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Nhà trường; và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người công dân. Tôi luôn coi trọng và giữ gìn phẩm chất, tác phong, uy tín của nhà giáo; sống chan hoà và đoàn kết với đồng nghiệp; cư xử đúng mực với học viên, sinh viên;
- Về công tác giảng dạy: Tôi luôn nỗ lực phấn đấu, trau dồi kiến thức, kỹ năng, phương pháp sư phạm, và phương pháp nghiên cứu khoa học để đáp ứng yêu cầu của một giảng viên đại học. Tôi đã được đào tạo đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ của một giảng viên chính. Theo sự phân công của Nhà trường, Khoa và Bộ môn, tôi đã đảm nhiệm giảng dạy chính ở cả bậc đại học và sau đại học. Cụ thể là: Ở bậc đại học, tôi giảng dạy các học phần Quản trị chiến lược, Quản trị chiến lược toàn cầu và Quản trị công ty, trong đó học phần Quản trị chiến lược được giảng dạy bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Ở bậc sau đại học, tôi giảng dạy các học phần Quản trị chiến lược nâng cao và Quản trị thị trường chiến lược. Dù giảng dạy ở bất cứ bậc nào, tôi luôn nỗ lực để cập nhật nội dung, đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao.
- Về nghiên cứu khoa học: Tôi luôn không ngừng nỗ lực học hỏi, tự nghiên cứu để tích lũy kiến thức, kinh nghiệm; rèn luyện và hoàn thiện, cập nhật về phương pháp, các kỹ thuật và năng lực nghiên cứu phù hợp với việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể. Tôi luôn chủ động, gương mẫu, phấn đấu trong thành lập và dẫn dắt nhóm nghiên cứu; hợp tác nghiên cứu cùng đồng nghiệp trong nước và nước ngoài: Làm trưởng nhóm nghiên cứu *Chiến lược kinh doanh gắn với trách nhiệm xã hội và đồng sáng tạo giá trị* giai đoạn 2020-2023 của Trường Đại học Thương mại; Hợp tác và là thành viên của

nhóm nghiên cứu *GVC reconfiguration in Post COVID-19 era – Tái cấu trúc chuỗi giá trị toàn cầu giai đoạn hậu Covid-19* - của trường Đại học Chungnam Hàn Quốc – đối tác chiến lược của Trường Đại học Thương mại. Với vai trò là trưởng nhóm nghiên cứu hay với vai trò là thành viên hợp tác nghiên cứu, tôi luôn nỗ lực học hỏi, cố gắng tìm tòi ý tưởng nghiên cứu mới, hợp tác với các nhà khoa học trong và ngoài nước nhằm chia sẻ, thảo luận và hoàn thiện ý tưởng nghiên cứu, thực hiện các dự án nghiên cứu và hướng dẫn các đồng nghiệp trẻ, tích cực làm việc nhóm... để đẩy mạnh các công bố quốc tế của nhóm nghiên cứu và của Nhà trường. Cùng với việc thực hiện các nghiên cứu và công bố khoa học, tôi luôn chủ động tham gia và có những đóng góp thiết thực trong nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo, đề cương học phần của Nhà trường, Khoa và Bộ môn.

- Về học tập, tự bồi dưỡng: Tôi luôn có ý thức và nỗ lực tự học tập, nâng cao năng lực chuyên môn và phương pháp nghiên cứu. Bên cạnh việc nỗ lực tự học tập, tôi cũng thường xuyên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; các diễn đàn, sinh hoạt học thuật về các chủ đề liên quan tới định hướng nghiên cứu về *Quản trị & phát triển chiến lược của doanh nghiệp và ngành kinh doanh*; cũng như các khoá học về phương pháp nghiên cứu; các diễn đàn trao đổi về kinh nghiệm nghiên cứu và công bố quốc tế; các khoá học về ngoại ngữ để hoàn thiện khả năng sử dụng tiếng Anh trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.
- Về công tác quản lý: Trải qua một số vị trí quản lý chuyên môn ở cấp Bộ môn, từ Phó trưởng Bộ môn và nay là Trưởng Bộ môn Quản trị chiến lược, tôi luôn nỗ lực để làm tấm gương tốt cho các thành viên bộ môn về giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tìm tòi đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy các học phần; chú trọng giữ gìn sự đoàn kết của tập thể, đồng thời duy trì tính kỷ luật và hiệu suất công việc. Cho dù ở cương vị nào, tôi cũng luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, không ngừng xây dựng và củng cố tập thể Bộ môn là một khối đoàn kết; định hướng và tạo môi trường quản lý tốt các hoạt động chuyên môn giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các công tác khác của tất cả giảng viên trong Bộ môn. Kết quả là, tập thể Bộ môn Quản trị chiến lược do tôi làm quản lý đã hoàn thành tốt, vượt mức các nhiệm vụ công tác, đặc biệt là công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong thời gian qua. Bộ môn Quản trị chiến lược nhiều năm nhận được các danh hiệu thi đua tập thể, và nhận được Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại.

Trong suốt quá trình công tác liên tục tại Trường Đại học Thương mại, tôi tự đánh giá bản thân đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ của Nhà giáo theo qui định tại Luật Giáo dục Việt Nam.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tôi công tác tại trường Đại học Thương mại từ tháng 4/2004 đến nay, trong đó có 01 năm tập sự và 02 năm đi học Thạc sĩ toàn phần tại Đài Loan. Như vậy, tính tới thời điểm hiện tại (tháng 7/2020), tôi có tổng số thời gian là **14 năm 3 tháng** thâm niên đào tạo.

Bảng dưới đây là tổng hợp kết quả đào tạo trong 6 năm học gần nhất, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

| TT | Năm học | Số lượng NCS đã hướng dẫn | | Số lượng ThS đã hướng dẫn | Số khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp | | Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*) |
|------------------------|-----------|---------------------------|-----|---------------------------|----------------------------------|---|-----|--|
| | | Chính | Phụ | | | ĐH | SĐH | |
| 1 | 2015-2016 | 0 | 0 | 0 | 08 | 180 | 0 | 180/380/ 229,5 |
| 2 | 2016-2017 | 0 | 0 | 0 | 08 | 225 | 0 | 225/425/ 216 |
| 3 | 2017-2018 | 0 | 0 | 01 | 06 | 90 | 120 | 210/430/ 216 |
| 03 năm học cuối | | | | | | | | |
| 4 | 2018-2019 | 0 | 0 | 02 | 03 | 90 | 90 | 180/395/ 216 |
| 5 | 2019-2020 | 0 | 0 | 03 | 03 | 90 | 60 | 150/435/ 216 |
| 6 | 2020-2021 | 0 | 0 | 0 | 08 | 135 | 60 | 195/395/ 216 |

(*) - Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Thương mại (ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT); định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ luận văn ThS tại Đài Loan năm 2010

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy:

- Viện Hợp tác quốc tế, Đại học Thương mại, Việt nam.

d) Đối tượng khác

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH | Đối tượng | | Trách nhiệm hướng dẫn | | Thời gian hướng dẫn từ ... đến | Cơ sở đào tạo | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|----------------------|-----------|------|-----------------------|-----|--------------------------------|---------------|---|
| | | NCS | HVCH | Chính | Phụ | | | |
| 1 | Nguyễn Hồng Thu | | X | X | | 12/2017 – 7/2018 | ĐH Thương mại | QĐ cấp bằng số 1600/QĐ-ĐHTM về việc công nhận tốt nghiệp cao học và cấp bằng thạc sĩ cho HVCH khoá 22 ngày 13/11/2018. Số vào sổ cấp bằng: 4833 ngày 26/11/2018. |
| 2 | Nguyễn Tiên Đức | | X | X | | 12/2017 – 7/2019 | ĐH Thương mại | QĐ cấp bằng số 1223/QĐ-ĐHTM về việc công nhận tốt nghiệp cao học và cấp bằng thạc sĩ ngày 18/10/2019. Số vào sổ cấp bằng: 5541 ngày 04/11/2019. |
| 3 | Nguyễn Trọng Trung | | X | X | | 6/2018 – 7/2019 | ĐH Thương mại | QĐ cấp bằng số 1223/QĐ-ĐHTM về việc công nhận tốt nghiệp cao học và cấp bằng thạc sĩ ngày 18/10/2019. Số vào sổ cấp bằng: 5536 ngày 04/11/2019. |
| 4 | Phạm Hà Nhi | | X | X | | 1/2019 – 7/2019 | ĐH Thương mại | QĐ cấp bằng số 768/QĐ-ĐHTM về việc công nhận tốt nghiệp cao học và cấp bằng thạc sĩ ngày 9/7/2020. Số vào sổ cấp bằng: 231-CH23A.QTKD.T ngày 14/7/2020. |
| 5 | Nguyễn Thuý Vân | | X | X | | 12/2019 – 7/2020 | ĐH Thương mại | QĐ cấp bằng số 1292/QĐ-ĐHTM về việc công nhận tốt nghiệp cao học và cấp bằng thạc sĩ ngày 12/11/2020 Số vào sổ cấp bằng: 641-CH24BQTKD ngày 17/11/2020 |
| 6 | Lưu Huyền Trang | | X | X | | 12/2019 – 7/2020 | ĐH Thương mại | QĐ cấp bằng số 1292/QĐ-ĐHTM về việc công nhận tốt nghiệp cao học và cấp bằng thạc sĩ ngày 12/11/2020. Số vào sổ cấp bằng: 657-CH24BQTKD ngày 17/11/2020 |

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT | Tên sách | Loại sách | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|----|---|-----------|--|------------|---------------|---|---|
| I | Trước khi được cấp bằng TS | | | | | | |
| 1 | Giáo trình Marketing thương mại điện tử | GT | NXB Thống kê, 2011; Giấy phép XB số 34-2011/CXB/155-152/TK; ISBN: 8936006682013 | 8 | Tham gia | Tham gia viết chính chương 5 (trang 169-184), chương 6 (trang 198-213) và chương 7 (trang 214-230) | Xác nhận của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ngày 15/06/2021 |
| 2 | Giáo trình Quản trị chiến lược | GT | NXB Thống kê, 2015; ISBN: 978-604-75-0288-2 | 7 | Tham gia | Tham gia viết chính chương 6 (trang 281-317) và chương 9 (trang 401 – 414) | Xác nhận của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ngày 15/06/2021 |
| II | Sau khi được cấp bằng TS | | | | | | |
| 1 | Giáo trình Quản trị chiến lược toàn cầu | GT | NXB Hà Nội, 2017; ISBN: 978-604-55-2367-4 | 11 | Đồng chủ biên | Tham gia viết chính chương 2 (trang 72-85), chương 3 (trang 107-132), chương 4 (trang 153-170) và sửa chỉnh toàn giáo trình | Xác nhận của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ngày 15/06/2021 |
| 2 | Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam đáp ứng các điều kiện về sản phẩm xuất khẩu theo hướng thân thiện với môi trường | TK | NXB Thống Kê, 2019; ISBN-13: 978-604-75-1255-3 | 11 | Tham gia | Tham gia viết chính Phần III (trang 103-108; 124-137; 151-182) | Xác nhận của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ngày 15/06/2021 |
| 3 | Nghiên cứu chuỗi cung ứng nông sản xuất khẩu của các tỉnh khu vực Tây Bắc | CK | NXB Thống kê, 2019; ISBN: 978-604-75-1400-7 | 13 | Tham gia | Tham gia viết chính Chương 4 (trang 252-292; 308-336) | Quyết định công nhận sách chuyên khảo khảo phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và học tập. Số |

| | | | | | | | |
|---|--|----|--|---|----------|---|---|
| | | | | | | | 1004/QĐ-ĐHTM của Hiệu trưởng ĐHTM ngày 04/09/2019. |
| 4 | Chiến lược kinh doanh xuất khẩu thân thiện với môi trường của các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam | TK | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020 ISBN: 978-604-315-276-0 | 6 | Chủ biên | Tham gia viết chính Lời tựa (trang 17-21); Phần mở đầu (trang 22-44); chương 1 (trang 54-60; 84-101); chương 2 (trang 120-221; 234-246), chương 3 (trang 247-254; 256-278; 285-300) và sửa chỉnh toàn bộ sách tham khảo | Quyết định công nhận sách tham khảo phục vụ giảng dạy và học tập. Số 209/QĐ-ĐHTM của Hiệu trưởng ĐHTM ngày 16/03/2021 |

Trong đó: số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: 0.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...) | CN/ PCN/ TK | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|----|--|---------------------|---------------------------------|---------------------|---|
| I | Trước khi được cấp bằng TS | | | | |
| 1 | Hoạch định marketing điện tử tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội | Chủ nhiệm | CS-7 Cấp cơ sở | 2005-2006 | 12/08/2006 Xếp loại: Tốt |
| 2 | Hoàn thiện chiến lược tái cấu trúc tổ chức các đơn vị phát điện thuộc tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) | Chủ nhiệm | CS-2011-05 Cấp cơ sở | 2010-2011 | 12/09/2011 Xếp loại: Xuất sắc |
| 3 | Nghiên cứu xây dựng chuỗi cung ứng sản phẩm nông lâm đặc sản xuất khẩu của các tỉnh khu vực Tây Bắc | Thư ký đề tài nhánh | KHCN-TB.06X/13-18; Cấp Nhà nước | 2014-2016 | 15/11/2016 Xếp loại: Đạt |
| II | Sau khi được cấp bằng TS | | | | |
| 1 | Nghiên cứu lý thuyết về Quản trị công ty vào giảng dạy và biên soạn giáo trình Quản trị công ty | Chủ nhiệm | CS17-34 Cấp cơ sở | 2017-2018 | 24/04/2018, Xếp loại: Tốt |
| 2 | Nghiên cứu chiến lược kinh doanh xuất khẩu định hướng thân thiện môi trường của các | Chủ nhiệm | B2019-TMA03 | 01/2019-12/2020 | 05/03/2021, Xếp loại: Đạt |

| | | | |
|--|-------------|--|--|
| doanh nghiệp thủy sản Việt Nam trên một số thị trường trọng điểm | Cấp Bộ GDĐT | | |
|--|-------------|--|--|

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn | Tập, số, trang | Năm công bố |
|--|---|------------|------------------|--|---|------------------|-------------------|-------------|
| A. Bài báo khoa học công bố trước khi được cấp bằng tiến sĩ | | | | | | | | |
| 1 | Bán lẻ trực tuyến và những quy tắc dẫn tới thành công | 1 | X | Tạp chí Khoa học thương mại, ISSN: 1859-3666 | | | Số 7, 40-43 | 2004 |
| 2 | Triển vọng của marketing tương hỗ ở Việt Nam | 1 | X | Tạp chí Khoa học thương mại, ISSN: 1859-3666 | | | Số 9, 36-40 | 2005 |
| 3 | Quản trị quan hệ khách hàng tại các website B2C Việt Nam: thực trạng và giải pháp | 1 | X | Tạp chí Khoa học thương mại, ISSN: 1859-3666 | | | Số 14, 41-44 + 65 | 2006 |
| 4 | Đề xuất ứng dụng Quản trị chiến lược thương mại điện tử tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam | 1 | X | Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Những vấn đề cơ bản về Quản trị kinh doanh và thương mại trong bối cảnh Công nghệ thông tin và kinh tế tri thức” NXB Thống kê, Giấy phép XB số 18-2006/CXB/493-59/TK; | | | 304-311 | 2006 |
| 5 | Đánh giá hoạt động truyền thông marketing điện tử cho một bộ sách tại các công ty xuất bản sách Việt Nam, nghiên cứu điển hình tại công ty Cổ phần xuất bản và truyền thông IPM và một số đề xuất | 1 | X | Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Công nghệ thông tin và phát triển thương mại điện tử trong bối cảnh kinh tế mới”, NXB Thống kê, Giấy phép XB số 07-2007/CXB/341-75-TK, cấp ngày 05/11/2007 | | | 324-330 | 2007 |
| 6 | Chính phủ điện tử - Kỳ vọng về cải cách hành chính ở Việt Nam | 1 | X | Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Công nghệ thông tin và phát triển thương mại điện tử trong bối cảnh kinh tế mới”, NXB Thống kê, Giấy phép XB số 07-2007/CXB/341-75-TK, cấp ngày 05/11/2007 | | | 210-216 | 2007 |
| 7 | Sử dụng phương pháp TOPSIS trong đánh giá xếp loại hoạt động kinh doanh. Nghiên cứu điển | 1 | X | Tạp chí Khoa học thương mại, ISSN: 1859-3666 | | | Số 38, 43-49 | 2010 |

| | | | | | | | | |
|----|--|---|---|---|--|--|--------------------|------|
| | hình trong đánh giá, xếp loại năng lực cạnh tranh hiển thị một số chuỗi siêu thị ở Việt Nam | | | | | | | |
| 8 | Phát triển lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp qua quản trị chiến lược dựa trên tri thức | 1 | X | Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Quản trị chiến lược dựa trên tri thức trong khu vực Đông Nam Á: Thách thức, nhân tố và triển vọng” NXB Thống kê, Giấy phép XB số 34-2011/CXB/178-152/TK | | | 37-44 | 2011 |
| 9 | Nguyên lý mô hình tái cấu trúc chiến lược kinh doanh của các doanh nghiệp phát điện thuộc tập đoàn điện lực Việt Nam | 1 | X | Tạp chí Khoa học thương mại, ISSN: 1859-3666 | | | Số 50, 43-48 | 2012 |
| 10 | Preference of Vietnamese Consumers Towards Brands of Children’s Powdered Milk | 2 | X | Proceedings of The Asian Retailing and Distribution Workshop 2012 “New Opportunity and Challenge for Asian Retail Development in the Next Decade”, The International Academic Forum (iafor), Japan. ISSN: 2186-4691 | | | 160-173 | 2012 |
| 11 | Cơ hội từ hội nhập: Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế trong tái cấu trúc các doanh nghiệp phát điện của EVN | 1 | X | Kỷ yếu Hội thảo quốc tế lần thứ 2 “Hội nhập: Cơ hội và thách thức”, NXB Thống kê, Số đăng ký kế hoạch xuất bản 114-2012/CXB/171.1-01/TK, tháng 12/2012 | | | 667-675 | 2012 |
| 12 | Assessing revealed competitiveness of some fast food chains in Hanoi market by using fuzzy TOPSIS method | 1 | X | Trade Science Review ISSN: 1859-3666 | | | Vol 2, No 1, 65-72 | 2014 |
| 13 | Restructuring financial and investment capability of EVN’s generation companies | 1 | X | Trade Science Review ISSN: 1859-3666 | | | Vol 2, No 2, 66-72 | 2014 |
| 14 | Strategic Performance Benchmarking Analysis of Vietnam Electricity’s Generation Companies | 1 | X | Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Những vấn đề về Quản lý Kinh tế và Quản trị kinh doanh hiện đại”, NXB Thống Kê. ISBN-13: 978-604-75-0131-1 | | | 713-726 | 2014 |
| 15 | Quản trị rủi ro trong triển khai chiến lược kinh doanh tại các doanh nghiệp phát điện thuộc EVN: thực trạng | 1 | X | Tạp chí Khoa học thương mại, ISSN: 1859-3666 | | | Số 80, 28-34 | 2015 |

| | | | | | | | | |
|----|--|---|---|---|--|--|-------------------------|------|
| | và giải pháp | | | | | | | |
| 16 | Study on implementation of competitive market oriented business strategies of EVN's power generation companies | 2 | X | Trade Science Review ISSN: 1859-3666 | | | Vol 3, No1, 65-72 | 2015 |
| 17 | Corporate governance benchmarking analysis of Vietnam Electricity group in the integration period | 1 | X | Kỷ yếu Hội thảo quốc tế "Kinh tế Việt Nam trong thời kỳ hội nhập: Cơ hội và Thách thức", Tập 1, NXB Hồng Đức; ISBN: 978-604-86-9872-0 | | | 519-532 | 2016 |

B. Bài báo khoa học công bố sau khi được cấp bằng tiến sĩ

B1. Bài báo trong danh mục tạp chí quốc tế

| | | | | | | | | |
|----|--|---|---|---|---|---|-----------------------------|------|
| 18 | Impact of International Experience and Innovation Capacity on the Export Performance of Vietnamese Agricultural SMEs (<i>Bài đạt giải thưởng Bài báo xuất sắc - Distinguished Paper Award, trình bày tại Hội thảo quốc tế lần thứ 4 về Thương mại Hàn Quốc - ICKT 2017, tổ chức tại Daejeon, Hàn Quốc</i>) | 3 | X | Journal of Global Business and Trade, US, ISSN: 1946-5130 (Print) ISSN: 2470-4733 (Online) https://www.pfw.edu/publications/jgbt/current-previous-issues/2017-13-2_Final_R.pdf | Indexed in EBSCO, ProQuest, Ex Libris, and Google Scholar. | | Vol 13 No 2, 1-10 | 2017 |
| 19 | Exploring the Proactivity Levels and Drivers of Environmental Strategies Adopted by Vietnamese Seafood Export Processing Firms: A Qualitative Approach | 4 | X | Sustainability ISSN: 2071-1050 https://doi.org/10.3390/su11143964 | SSCI, 2020: H index = 68, IF = 2.576, 2021: H index = 85, IF = 3.251, Citescore = 3.9, SJR 2020 = 0.61 | 9 | 11(14), 3964 | 2019 |
| 20 | Global Value Chain Analysis towards Environmentally Friendly Export Strategy of Vietnam Seafood Exporters (<i>Bài đạt giải thưởng Bài báo tốt nhất - Best Paper Award, trình bày tại Hội thảo quốc tế lần thứ nhất về Cách mạng công nghiệp 4.0 và Chuỗi giá trị toàn cầu - ICIG 2019, được tổ chức tại Daejeon, Hàn Quốc</i>). | 2 | X | Journal of Management and Economics, Korea, ISSN: 1598-3129, DOI: 10.22828/meri.2019.41.4.006 | Korea Science Index | 1 | Vol 41, No 4, 125-144 | 2019 |

| | | | | | | | | |
|-----------------------------|--|---|---|---|---|---|------------------|------|
| 21 | The Links between Proactive Environmental Strategy, Competitive Advantages and Firm Performance: An Empirical Study in Vietnam (<i>Bài đạt giải thưởng Bài báo Lí luận tốt nhất – Best Theoretical Paper Award</i> khi trình bày tại Hội thảo quốc tế lần thứ 4 về Chuỗi Cung ứng và Đổi mới công nghệ - ICOSTI 2019, được tổ chức tại Busan, Hàn Quốc). | 2 | X | Sustainability ISSN 2071-1050, https://doi.org/10.3390/su12124962 | SSCI, 2020: H index = 68, IF = 2.576, 2021: H index = 85, IF = 3.251, Citescore = 3.9, SJR 2020 = 0.61 | 9 | 12 (12), 4962 | 2020 |
| 22 | Strategic Responses to Covid – 19: The case of tour operators in Vietnam (<i>Bài được Charles Darwin University, Úc giới thiệu là nghiên cứu điển hình trong hợp tác nghiên cứu giữa ĐH Thương mại và Charles Darwin University, Úc về đại dịch Covid - 19. Xem tại https://www.cdu.edu.au/news/new-study-highlights-tourism-operators-were-not-strategically-prepared-respond-economic?fbclid=IwAR1erJZ8XiH8G7oAYcqjYLx03YoTXc5b0rzhBdlhpmmIhJgXK11zBr9wH5o</i>) | 5 | X | Tourism and Hospitality Research, ISSN: 1467-3584 https://doi.org/10.1177/1467358421993902 | Scopus, Q1, H index = 39, CiteScore =3.3, SJR 2020 = 0.85 | 4 | 0(0) 1–13 | 2021 |
| 23 | Renewable Energy Integration in Vietnam’s Power System: Generation Adequacy Assessment and Strategic Implications. | 3 | X | Energies ISSN: 1996-1073, https://doi.org/10.3390/en14123541 | Scopus, Q2, H index = 93, IF = 3.004, CiteScore =4.7, SJR 2020 = 0.6 | | 14 (12), 3541 | 2021 |
| B2. Các bài báo khác | | | | | | | | |
| 24 | Đề xuất mô hình chuỗi cung ứng sản phẩm hoa, quả đặc sản xuất khẩu và các giải pháp triển khai mô hình phù hợp cho khu vực Tây Bắc | 2 | | Tạp chí Khoa học thương mại, ISSN: 1859-3666 | | | Số 96, 47-55 | 2016 |
| 25 | Strategy of Upgrading Retail System from Consumers’ Shopping | 1 | X | Proceedings of International Conference “Asia Retailing and | | | 131-147 | 2016 |

| | | | | | | | |
|----|--|---|---|---|--|--------------|----------|
| | Behavior: An Investigation in Vietnam | | | Services: Opportunities of Franchising”, NKFUST Publishing House, Kaohsiung, Taiwan ISBN: 978-604-75-0286-8 | | | |
| 26 | Strategic Performance Measurement in EVN’s Power Companies: Benchmarking Approach | 2 | X | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Phát triển kinh tế Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế”, Tập 2, NXB Hà Nội, ISBN: 978-604-55-2338-4. | | 48-56 | 2017 |
| 27 | Nghiên cứu các yếu tố thúc đẩy chiến lược xuất khẩu xanh tại các doanh nghiệp xuất khẩu tôm Việt Nam | 1 | X | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Cách mạng công nghiệp 4.0: Cơ hội và Thách thức đối với phát triển kinh tế Việt Nam”, Tập 2, NXB Hà Nội, ISBN: 978-604-55-3231-7 | | 522-535 | T8/2018 |
| 28 | Rào cản đổi mới mô hình kinh doanh theo hướng thân thiện với môi trường: Nghiên cứu tại các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam | 1 | X | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “Khởi nghiệp và đổi mới trong kinh doanh”, NXB Hà Nội, ISBN:978-604-55-3377-2 | | 676-690 | T11/2018 |
| 29 | Research on competitive advantage and performance of green export business strategy in Vietnamese seafood exporters | 1 | X | Proceedings of The 2nd Asia Pacific Management Research Conference - “Innovation and Strategic Alliance for Sustainable Development” APMRC 2018, Bach Khoa Publishing House, Hanoi. ISBN: 978-604-95-0644-4 | | 32-41 | T11/2018 |
| 30 | Đánh giá năng lực cạnh tranh marketing của một số Trung tâm thương mại tại thành phố Đà Nẵng | 1 | X | Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Thương Mại và phân phối” Lần 1 năm 2018, NXB Nông Nghiệp; ISBN: 978-604-60-2860-4 | | 705-718 | T12/2018 |
| 31 | Thúc đẩy xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang EU dưới tác động của EVFTA | 2 | X | Tạp chí Kinh tế và Dự báo, ISSN: 0866-7120 | | Số 22, 20-23 | 2019 |
| 32 | Từ lợi thế cạnh tranh đến chiến lược cạnh tranh của các doanh nghiệp khởi nghiệp xanh Việt Nam | 1 | X | Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc tế “Khởi nghiệp và sáng tạo – Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam” Tập 2; NXB Hà Nội; ISBN:978-604-55-4621-5 | | 33-45 | 2019 |
| 33 | Using Fuzzy TOPSIS to Rank the Barriers of Environmental Strategy Adaptation of Vietnam Seafood Export | 1 | X | Proceedings of The 17th Northeast Asia Management and Economics Joint Conference & The 4th CNU | | 215-230 | 2019 |

| | | | | | | | | |
|----|--|---|---|---|--|--|-------------------|------|
| | Processing Firms (<i>Bài đạt giải thưởng Bài báo tốt nhất- Best Paper Award, trình bày tại Hội thảo quốc tế Quản lý và Kinh tế Đông Bắc Á lần thứ 17 - NAMEJC 2019, tổ chức tại Daejeon, Hàn Quốc</i>) | | | International Conference on Management and Economics (NAMEJC 2019), Daejeon, Korea. | | | | |
| 34 | Nghiên cứu mức độ chủ động trong chiến lược kinh doanh thân thiện với môi trường của các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản Việt Nam | 1 | X | Tạp chí Khoa học Thương Mại ISSN: 1859-3666 | | | Số 137+138, 61-74 | 2020 |
| 35 | Định hướng chiến lược xuất khẩu hướng tới phát triển bền vững cho các doanh nghiệp thủy sản Việt nam | 3 | | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “Tăng trưởng xanh: Quản trị và phát triển doanh nghiệp”, NXB Công Thương; ISBN: 978-604-9963-46-9 | | | 1113-1120 | 2020 |
| 36 | Chiến lược xuất khẩu xanh của các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam: Các yếu tố ảnh hưởng, lợi thế cạnh tranh và hiệu suất tài chính | 1 | X | Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á ISSN: 2615-9104 | | | Số 31 (7), 05-28 | 2020 |
| 37 | Adopting green strategy in trade protectionism context: Constrains analysis approach | 1 | X | Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc tế “Phát triển kinh tế và thương mại Việt Nam trong bối cảnh bảo hộ thương mại”, NXB Hà Nội, ISBN: 978-604-55-6873-6 | | | 131-149 | 2020 |
| 38 | Khám phá tác động của áp lực thể chế đến lựa chọn chiến lược kinh doanh thân thiện môi trường của các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam trong bối cảnh bảo hộ thương mại | 1 | X | Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc tế “Phát triển kinh tế và thương mại Việt Nam trong bối cảnh bảo hộ thương mại”, NXB Hà Nội, ISBN: 978-604-55-6873-6 | | | 83-100 | 2020 |
| 39 | The influence of resources and dynamic capabilities on manager’s attitude to innovation: An empirical research of SMEs in Vietnam in response to Covid 19 | 3 | X | Proceedings of The 7 th Conference on International Economic Cooperation and Integration (CIECI 2020): Trade and Investment Facilitation in the Context of Global Upheaval, Science and Technics Publishing House, ISBN: 978-604-67-1813-0 | | | 378-392 | 2020 |
| 40 | Customer Behaviour in Using LiveBank service in digital transformation | 2 | X | Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc tế “Kinh tế và thương | | | 435-447 | 2020 |

| | | | | | | | | |
|----|--|---|---|--|--|---|-----------------------------|------|
| | of banking industry in Vietnam | | | mại quốc tế tác động tới doanh nghiệp Việt Nam”. NXB Lao động – xã hội, ISBN: 978-604-65-5419-6 | | | | |
| 41 | Chiến lược xuất khẩu thân thiện môi trường của doanh nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ và bài học kinh nghiệm cho doanh nghiệp nông sản Việt Nam trong xuất khẩu rau quả vào thị trường EU | 2 | | Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia “Quản trị kinh doanh và marketing định hướng phát triển bền vững”; NXB Đại học Kinh tế quốc dân, ISBN: 978-604-946-926-8 | | | 89-100 | 2020 |
| 42 | Đặc điểm hội đồng quản trị và hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam | 2 | | Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc tế các nhà khoa học trẻ khối kinh tế và kinh doanh 2020 (ICYREB 2020), NXB Hà Nội ISBN: 987-604-55-7883-4 | | | 1383-1395 | 2020 |
| 43 | Cam kết về thủy sản bền vững của các tác nhân trong chuỗi cung ứng thủy sản Mỹ: Hàm ý, kiến nghị đối với các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam | 1 | X | Tạp chí Kinh tế và Dự báo, ISSN: 0866-7120 | | | Số 02 T1, 2021 (756), 53-56 | 2021 |
| 44 | Ảnh hưởng của chiến lược phát triển năng lượng tái tạo đến vận hành thị trường điện Việt Nam | 1 | X | Tạp chí Kinh tế và Dự báo, ISSN: 0866-7120 | | | Số 8 T3, 2021 (762), 25-28 | 2021 |
| 45 | Khó khăn trong thực hiện chiến lược kinh doanh thân thiện môi trường của các doanh nghiệp xuất khẩu tôm Việt Nam: Nhận diện và xếp hạng các rào cản | 1 | X | Tạp chí Quản lý và kinh tế quốc tế, ISSN: 2615-9848 | | 2 | Số 134, 16-37, | 2021 |
| 46 | Effects of Stakeholders on Green Export Strategies and Competitive Advantages of Vietnam’s Exporters | 1 | X | Journal of Trade Science ISSN: 1859-3666 | | | Vol 9, No.1, 14-26 | 2021 |
| 47 | Tinh thần đổi mới của doanh nghiệp trẻ: Phân tích từ nguồn lực và năng lực động | 1 | X | Tạp chí Khoa học Thương Mại, ISSN: 1859-3666 | | | Số 153, 11-18 | 2021 |
| 48 | Ảnh hưởng của áp lực thể chế đến chiến lược xuất khẩu thân thiện môi trường, hợp tác trong chuỗi cung ứng và lợi thế cạnh tranh tại các doanh nghiệp dệt may | 2 | X | Tạp chí Kinh tế & Phát triển ISSN: 1859-0012 | | | Số 288, T6/2021 33-42 | 2021 |

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 04 (bài số 19, 21, 22 và 23).

7.1.b. Các bài báo khoa học, báo cáo khoa học được giải thưởng quốc tế

| TT | Tên giải thưởng | Cơ quan/tổ chức ra quyết định | Số quyết định và ngày, tháng, năm | Số tác giả |
|----|---|--|---|------------|
| 1 | Giải thưởng Bài báo xuất sắc (Distinguished Paper Award) cho bài viết “ <i>Impact of International Experience and Innovation Capacity on the Export Performance of Vietnamese Agricultural SMEs</i> ” được trình bày tại Hội thảo quốc tế lần thứ 4 về Thương mại Hàn Quốc (ICKT 2017), được tổ chức tại Daejeon, Hàn Quốc. Bài viết được chọn đăng trong tạp chí <i>Journal of Global Business and Trade</i> , Hoa Kỳ - Bài số 18. | Korea Trade Research Association & Chungnam National University, Korea | Quyết định số: 2017-11-53 ngày 11/11/2017 | 2 |
| 2 | Giải thưởng Bài báo tốt nhất (Best Paper Award) cho bài viết “ <i>Global Value Chain Analysis Towards Environmentally Friendly Export Strategy of Vietnam Seafood Exporters</i> ” được trình bày tại Hội thảo quốc tế lần thứ nhất về Cách mạng công nghiệp 4.0 và Chuỗi giá trị toàn cầu (ICIG 2019) được tổ chức tại Daejeon, Hàn Quốc. Bài viết được chọn đăng trong tạp chí <i>Journal of Management and Economics</i> , Hàn Quốc – Bài số 20. | National Economics and Management Association of Korea & Chungnam National University, Korea | Quyết định số: 2019-05-52 ngày 18/05/2019 | 2 |
| 3 | Giải thưởng Bài báo Lí luận tốt nhất (Best Theoretical Paper Award) cho bài viết “ <i>Consequences of Proactive Environmental Strategy: Evidence from firms in Vietnam</i> ” được trình bày tại Hội thảo quốc tế lần thứ 4 về Chuỗi Cung ứng và Đổi mới công nghệ, được tổ chức tại Busan, Hàn Quốc. Bài viết được chuyển thành bài báo đăng trên tạp chí <i>Sustainability</i> (SSCI – Q2) – Bài số 21. | The 4th International Conference of Supply Chain and Technology Innovation, Busan, South Korea | Ngày 15/08/2019 | 2 |
| 4 | Giải thưởng Bài báo tốt nhất (Best Paper Award) cho bài viết “ <i>Using Fuzzy TOPSIS to Rank the Barriers of Environmental Strategy Adaptation of Vietnam Seafood Export Processing Firms</i> ” được trình bày tại Hội thảo quốc tế Quản lý và Kinh tế Đông Bắc Á lần thứ 17 (NAMEJC 2019) được tổ chức tại Daejeon, Hàn Quốc – Bài số 33. | National Economics and Management Association of Korea & Chungnam National University, Korea | Quyết định số: 2019-10-04 ngày 26/10/2019 | 1 |

- Trong đó, tổng số giải thưởng quốc tế sau khi được cấp bằng TS: 04

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/ đồng tác giả | Số tác giả |
|----|--|-----------------|--------------------|-----------------------------|------------|
| 1 | | | | | |

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): 0

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

| TT | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|----|--|---------------------------|--|----------------------------------|------------|
| 1 | | | | | |

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): 0

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò của UV | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi chú |
|----|---|----------------|--|------------------------------------|--|---------|
| 1 | Chương trình đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học hệ chính quy ngành Quản trị kinh doanh | Tham gia | Quyết định Số 1078/QĐ-ĐHTM ngày 15/12/2016 về việc thành lập Hội đồng khoa học Khoa Quản trị kinh doanh nhiệm kỳ 2016-2021. | Trường Đại học Thương mại | Quyết định số 445/QĐ-ĐHTM ngày 16/06/2017 | |
| 2 | Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh, trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Thương mại | Tham gia | Quyết định Số 1078/QĐ-ĐHTM ngày 15/12/2016 về việc thành lập Hội đồng khoa học Khoa Quản trị kinh doanh nhiệm kỳ 2016-2021. | Trường Đại học Thương mại | Quyết định số 81/QĐ-ĐHTM ngày 10/02/2017 | |
| 3 | Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh, trình độ đại học hệ chính quy năm 2019 của Trường Đại học Thương mại | Tham gia | Quyết định Số 1012/QĐ-ĐHTM ngày 6/10/2019 về việc kiện toàn Hội đồng khoa học Khoa Quản trị kinh doanh nhiệm kỳ 2016-2021. | Trường Đại học Thương mại | Quyết định số 1566/QĐ-ĐHTM ngày 25/12/2019 | |
| 4 | Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu ngành Quản trị kinh doanh | Tham gia | Quyết định Số 1012/QĐ-ĐHTM ngày 6/10/2019 về việc kiện toàn Hội đồng khoa học khoa Quản trị kinh doanh nhiệm kỳ 2016-2021. | Trường Đại học Thương mại | Quyết định số 1559/QĐ-ĐHTM ngày 28/12/2020 | |
| 5 | Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Quản trị kinh doanh | Tham gia | Quyết định Số 1012/QĐ-ĐHTM ngày 6/10/2019 về việc kiện toàn Hội đồng khoa học khoa Quản trị kinh doanh nhiệm kỳ 2016-2021. Quyết định Số 936/QĐ-ĐHTM ngày 18/6/2021 về việc thành lập Hội đồng khoa Quản trị kinh doanh | Trường Đại học Thương mại | Quyết định số 934/QĐ-ĐHTM ngày 18/6/2021 | |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

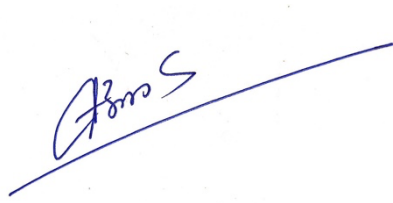
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Đỗ Thị Bình